

triệu chứng và dấu ấn sinh học trong thực hành lâm sàng, chúng tôi đề xuất kết hợp các biến số này để tạo thành các tổ hợp và so sánh giá trị của các tổ hợp trong chẩn đoán nhiễm khuẩn.

Kết quả nghiên cứu của chúng tôi có nhiều điểm tương đồng với các tác giả trong và ngoài nước. Nghiên cứu của Alexandra Nakou và cs (2021), mô hình hồi quy tuyến tính đa biến đã được hình thành để đánh giá biến nào có liên quan đáng kể với cấy đờm dương tính ở VN đợt cấp BPTNMT: Các biến có trong mô hình là sốt, WBC, bạch cầu trung tính, CRP, FBG và FEV₁. Các biến duy nhất có liên quan đáng kể với cấy đờm dương tính là WBC >10.000 (p = 0,014) và CRP > 6 mg/l (p = 0,001) [8].

V. KẾT LUẬN

- Tỷ lệ xác định được vi khuẩn dương tính trong đợt cấp BPTNMT là 37,2%.

- Tỷ lệ các loài vi khuẩn ở đờm: P. aeruginosa (20,9%), H. influenzae (17,9%), S. pneumoniae (11,9%), A. baumannii (10,4%), M. catarrhalis (9,0%), K. pneumoniae (6,0%), Stenotrophomonas maltophilia (3,0%), S. aureus (3,0%), L. pneumophila (11,9%), M. pneumoniae (4,5%), C. pneumoniae (1,5%).

- Các yếu tố: Số đợt cấp trong năm (>3 đợt cấp); triệu chứng ran ở phổi; BC > 10G/L; CRP ≥ 40 mg/l; HCO₃⁻ bất thường; tổn thương Xquang

hình ảnh phổi bản; dày thành phế quản liên quan đến khả năng xác định được vi khuẩn trong đợt cấp BPTNMT có ý nghĩa thống kê.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **World Health Organization.** World Health Organization, Burden of COPD. Newsroom, 2022: p. p.1.
2. **Feng. C, et al.,** Atypical Pathogen Distribution in Chinese Hospitalized AECOPD Patients: A Multicenter Cross-Sectional Study. Int J Chron Obstruct Pulmon Dis, 2021. 16: p. 1699-1708.
3. **GOLD,** Global strategy for the diagnosis, management, and prevention of chronic obstructive pulmonary disease.; www.goldcopd.org. 2015.
4. **Anthonisen. N.R, et al.,** Antibiotic Therapy in Exacerbations of Chronic Obstructive Pulmonary Disease. Annals of Internal Medicine, 1987. 106(2): p. 196-204.
5. **Alexandra Nakou MD, et al.,** The prevalence of common and atypical pathogens infectious exacerbations of chronic obstructive pulmonary disease (COPD) and their clinical importance. Chest, 2009. 136: p. 93.
6. **Hurst JR and et al,** ECLIPSE study. N Engl J Med, 2010. 363: p. 1128-1138.
7. **Bircan. A, et al.,** C-reactive protein levels in patients with chronic obstructive pulmonary disease: role of infection. Med Princ Pract, 2008. 17(3): p. 202-8.
8. **Alexandra Nakou, et al.,** A prospective study on bacterial and atypical etiology of acute exacerbation in chronic obstructive pulmonary disease. Future Microbiology, 2014. 9(11).

CÔNG NĂNG, CHỦ TRỊ CỦA MỘT SỐ BÀI THUỐC NAM THƯỜNG DÙNG

Phạm Vũ Khánh¹, Phạm Quốc Bình¹,
Nguyễn Tiến Chung¹, Nguyễn Thị Lan¹

TÓM TẮT

Mục tiêu: Mô tả công năng, chủ trị của một số bài thuốc nam thường dùng. **Phương pháp:** Điều tra, phỏng vấn, thu thập bài thuốc tại cộng đồng; thống kê, đối sánh, luận suy; xin đồng thuận chuyên gia. Thời gian nghiên cứu: từ tháng đến tháng 10 năm 2023. **Kết quả:** Nghiên cứu xác định được công năng chủ trị của 50 bài thuốc nam, tập trung 4 nhóm bệnh chính: Cơ xương khớp 8 bài (50% chủ trị thể can thận hư kèm phong hàn thấp,...); Tiết niệu 8 bài (62,5% chủ trị lâm chứng,...); Tiêu hóa 8 bài (62,5% chủ trị chứng tiết tả,...); Hô hấp 6 bài (33,33% chủ trị chứng

khí suyễn,...). **Kết luận:** Mô tả được công năng chủ trị của 50 bài thuốc nam, tập trung vào 4 nhóm bệnh Cơ xương khớp, Tiết niệu, Tiêu hóa, Hô hấp. **Từ khóa:** công năng, chủ trị, thuốc nam, bài thuốc nam

SUMMARY

MEDICINAL PROPERTIES AND TREATMENT OF SOME COMMONLY USED HERBAL REMEDIES

Objective: The descriptive research medicinal properties and treatment of some commonly used herbal remedies in Northern Vietnam. **Method:** Investigate, interviews and collect medicinal remedies in the community; statistics, comparison; ask for expert advice. Research time: 2023 April to October. **Results:** The study determined treatment effects of 50 medicinal remedies, focusing on 4 groups: Musculoskeletal disease 8 remedies (50% of all for kidney failure with elements of leprosy, colds and rheumatism,...); Urinary disease 8 remedies (62,5% of all for treating urinary tract infections,...); Digestive diseases 8 remedies (62,5% of all for diarrhea,...);

¹Học viện Y Dược học Cổ truyền Việt Nam
Chịu trách nhiệm chính: Nguyễn Tiến Chung
Email: nguyentienchung89@gmail.com
Ngày nhận bài: 11.9.2023
Ngày phản biện khoa học: 10.11.2023
Ngày duyệt bài: 24.11.2023

Respiratory disease (33,33% of all for asthma,...).
Conclusions: The study described treatment effects of 54 southern medicinal remedies, focusing on 4 groups: Musculoskeletal, Urinary, Digestive, Respiratory. **Keywords:** medicinal property, treatment, vietnamese herb, herbal remedy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Việt Nam có rất nhiều bài thuốc quý lưu hành trong cộng đồng các dân tộc. Tuy nhiên, đa phần bài thuốc thu thập được từ cộng đồng và tài liệu đều chưa có đầy đủ công năng, chủ trị theo biện chứng. Đa phần thông tin về bài thuốc là tác dụng chữa bệnh mang tính kinh nghiệm theo bệnh danh y học hiện đại. Từ đó, việc xây dựng danh mục bài thuốc nam thường dùng với đầy đủ thông tin về công năng, chủ trị là cần thiết, nhằm phục vụ nhu cầu tra cứu và thúc đẩy sử dụng nguồn dược liệu thuốc nam theo phương châm "Nam dược trị Nam nhân" [1], [2].

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu. Bài thuốc nam được thu thập được từ cộng đồng thông qua hoạt động điều tra phỏng vấn hoặc từ tài liệu

Người có thể cung cấp thông tin về bài thuốc nam: người dân bản địa.

Chuyên gia, người am hiểu thuốc nam: giảng viên giảng dạy về y học cổ truyền, người làm công tác kế thừa thuốc nam, người làm công tác chuyên môn tại Hội đồng y cấp huyện trở lên.

2.2. Địa điểm và thời gian nghiên cứu

Địa điểm nghiên cứu: Thái Nguyên, Tuyên Quang, Hà Nội, Bến Tre, Gia Lai, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thời gian nghiên cứu: Tháng 4 đến tháng 10 năm 2023.

2.3. Phương pháp nghiên cứu

* **Thiết kế nghiên cứu:** Sử dụng phương pháp điều tra thống kê mô tả trong việc thu thập

thông tin về vị thuốc nam; phương pháp đối sánh, luận suy theo lý-pháp-phương-dược của y học cổ truyền và phương pháp đồng thuận chuyên gia trong việc xác định công năng, chủ trị của bài thuốc.

* **Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:**

50 bài thuốc, lựa chọn theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện.

* **Công cụ và phương pháp thu thập thông tin:** Biểu mẫu thu thập thông tin, sử dụng phương pháp nghiên cứu mô tả, đối sánh luận suy và đồng thuận chuyên gia.

* **Đạo đức trong nghiên cứu:** Đề tài được thông qua hội đồng đạo đức trong nghiên cứu y sinh học, học viện Y Dược học cổ truyền Việt Nam.

2.4. Phương pháp xử lý số liệu

Số liệu thu được trong nghiên cứu sẽ được thống kê, phân tích và xử lý bằng phần mềm Microsoft excel và SPSS 22.0.

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Bảng 3.1. Phân bố bài thuốc theo chuyên khoa

STT	Tên chuyên khoa	Số lượng bài thuốc
1	Cơ xương khớp	8
2	Tiêu hóa	8
3	Hô hấp	6
4	Tiết niệu	8
5	Chủ trị khác	24
Tổng số		54

Nhận xét: Trong nghiên cứu của chúng tôi, số lượng bài thuốc nam thu thập được tập trung vào 4 chuyên khoa Cơ xương khớp, Tiêu hóa, Hô hấp, Tiết niệu với tỷ lệ cao nhất (khoảng 55,55%), bài thuốc chủ trị 5 chuyên khoa là Tuần hoàn, Tâm thần kinh, Phụ khoa, Truyền nhiễm và Ngoại khoa chiếm tỷ lệ thấp hơn (44,44%) được xếp vào nhóm chủ trị khác.

Bảng 3.2. Công năng, chủ trị của bài thuốc chủ trị bệnh cơ xương khớp

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị
1	Trừ phong thấp	Rễ cỏ xước, Rễ cỏ may, Rễ trầu không, Rễ lá lốt	Khu phong, tán hàn, trừ thấp, thông kinh lạc.	Chứng tý thể phong hàn thấp.
2	Lưng gối nhức mỏi	Hạt tơ hồng 10g, Cỏ xước 20g, Ngũ gia bì 15g, Thiên niên kiện 10g	Bổ can thận, dưỡng cân cốt, trừ phong thấp, thông kinh lạc.	Chứng tý thể can thận hư kiêm phong hàn thấp
3	Thuốc phong thấp	Dây chiêu 20g, Cà gai leo 12g, Vỏ cây gạo 12g, Dây xấu hổ 20g	Trừ phong thấp, hoạt huyết thông kinh.	Chứng tý thể phong hàn thấp tý
4	Phong tê thấp	Lá ắc ó 20g, Dây gắm 10g, Rễ lá lốt 10g.	Khu phong trừ thấp, hoạt huyết thông kinh.	Chứng tý thể can thận hư kiêm phong hàn thấp
5	Đau nhức xương	Dây chìa vôi 30g, Rễ cốt khí củ 15g	Khu phong, trừ thấp, thư cân dưỡng cốt, bổ can thận.	Chứng tý, thể can thận hư kiêm phong hàn thấp
6	Lưng gối đau tê	Hà thủ ô đỏ, Ngưu tất	Bổ can thận, dưỡng huyết	Chứng tý do can thận hư

		nam	thư cân, thông kinh lạc	
7	Đau nhức xương khớp	Trầu lá gai 10g, Ráy leo 30g, Dây chiêu 30g	Trừ phong thấp, thông kinh lạc, trừ thống tý	Chứng tý thể can thận hư, phong hàn thấp.
8	Chữa sưng khớp	Cây vòi voi tươi	Hoạt huyết tiêu thũng, tán ứ chỉ thống	Chứng tý thể thấp nhiệt, huyết ứ tý trở

Nhận xét: Bài thuốc nam chủ trị bệnh cơ xương khớp trong nghiên cứu là 8 bài; trong đó: 50% bài thuốc chủ trị thể bệnh can thận hư kiêm phong hàn thấp; 37,5% bài thuốc chủ trị thể bệnh thực chứng (phong thấp hàn tý/phong thấp nhiệt tý); 12,5% số bài thuốc chủ trị thể bệnh can thận hư. Đa số các bài thuốc chủ trị chứng tý thể hàn (chiếm 87,5%), chứng tý thể nhiệt chiếm số lượng ít (chiếm 12,5%).

Bảng 3.3. Công năng, chủ trị của bài thuốc chủ trị bệnh tiêu hóa

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị
1	Thuốc tiêu chảy	Búp ổi 100g, Vỏ rụt 50g, Riềng 50g, Sa nhân 10g	Ôn trung trừ hàn, sáp trường chỉ tả	Tiết tả thể hàn thấp
2	Chữa bệnh gan	Quả dứa dại 20g, Nhân trần bồ bồ 15g, Chỉ thiên 15g, Cam thảo đất 15g	Thanh nhiệt giải độc, lợi thủy trừ thũng	Chứng thấp nhiệt can kinh
3	Chữa lỵ	Hoa tai tượng đuôi chồn 20g, Lá cây bông tai 5g, Mơ lông 10g	Thanh nhiệt trừ thấp, chỉ thống, chỉ tả	Lỵ tật, Phúc thống thể thấp nhiệt
4	Ỉa chảy thấp nhiệt	Lá nhội 20g, Lá thổ mật leo 20g, Lá bồ cu vẽ 10g	Thanh nhiệt trừ thấp, sáp trường chỉ tả	Phúc thống, tiết tả thể thấp nhiệt
5	Bột lá khô	Lá khô 500g, Bồ công anh 250g, Chút chít 100g, Nhân trần 100g, Khổ sâm 50g	Thanh thấp nhiệt tỳ vị, giải độc nhuận tràng	Vị quản thống thể nhiệt
6	Đi ngoài ra máu	Lá cây phèn đen 40g	Thanh nhiệt trừ thấp, thăng đề, chỉ huyết	Kiết lỵ, trĩ hạ thể thấp nhiệt tràng vị
7	Chữa tiêu chảy	Lá nhót chua 30g	Thanh nhiệt trừ thấp ở tràng vị	Tiết tả thể thấp nhiệt tràng vị
8	Đau dạ dày	Lá vú sữa 10-12g	Hoạt huyết, tán ứ, chỉ thống	Vị quản thống thể khí trệ, huyết ứ

Nhận xét: Bài thuốc nam chủ trị bệnh tiêu hóa trong nghiên cứu là 8 bài; điều trị 3 nhóm bệnh bao gồm: Tiết tả (thể hàn thấp và thấp nhiệt) là 5 bài (chiếm 62,5%); Vị quản thống 2 bài (chiếm 25%); Gan mật 1 bài (chiếm 12,5%). Trong đó, đa số các bài thuốc điều trị bệnh chứng thể nhiệt (chiếm 87,5%); bệnh chứng thể hàn chiếm số lượng ít (12,5%).

Bảng 3.4. Công năng, chủ trị của bài thuốc chủ trị bệnh hô hấp

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị
1	Viêm mũi dị ứng	Cây cút lợn 12g, Lá bạc hà 8g, Lá rẻ quạt 4g	Sơ phong giải biểu, tuyên phế thấu chẩn	Tỵ viêm do thời tà
2	Chữa ho	Lược vàng tươi 5g, Lá tai tượng xanh 5g	Thanh nhiệt giải độc, nhuận phế hóa đờm	Khái thấu thể nhiệt đàm
3	Ho hen	Lá bông bông 12g, Cỏ sữa 10g, Lá dàu 20g	Khư đàm định suyễn	Khí suyễn thể đàm ẩm
4	Chữa hen	Dây tơ hồng 30g, Lá táo chua 30g	Bổ thận nạp khí, bình suyễn	Khí suyễn thể hư chứng
5	Chữa ho	Hoa đu đủ đực 15g, Lá hẹ 15g	Ôn phế hóa đàm, chỉ khái	Khái thấu thể hàn đàm
6	Chữa ho	Lá xương sông bánh tẻ 2-3 lá, mật ong 5 thìa	Ôn phế chỉ khái, trừ đàm bình suyễn	Khái thấu thể hàn đàm

Nhận xét: Bài thuốc nam chủ trị nhóm bệnh hô hấp được phân bố theo 3 nhóm bệnh: Tỵ viêm 1 bài; Khái thấu 3 bài; Khí suyễn 2 bài. Trong đó, đa số các bài thuốc điều trị bệnh chứng thể hàn (83,33%); bệnh chứng thể nhiệt chiếm số lượng ít (16,67%). 66,67% số bài thuốc chủ trị đàm chứng (nhiệt đàm, hàn đàm).

Bảng 3.5. Công năng, chủ trị của bài thuốc chủ trị bệnh tiết niệu

TT	Tên bài thuốc	Thành phần	Công năng	Chủ trị
----	---------------	------------	-----------	---------

1	Chữa đái máu	Thân rễ dứa dại 20g, Lá cối xay 20g, Phèn đen 15g	Lợi thủy trừ thấp, thanh nhiệt chỉ huyết	Niệu huyết thể thấp nhiệt
2	Tiểu nóng, tiểu đục	Lá vối, Râu ngô: lượng bằng nhau	Thanh nhiệt giải độc, sinh tân, lợi thủy trừ thấp	Lâm chứng thể nhiệt lâm và cao lâm
3	Chữa bí tiểu	Thài lài 30g, Mã đề 30g, Dây hạt bí 10g	Thanh nhiệt, lợi thủy thông lâm	Lâm chứng thể nhiệt lâm.
4	Tiểu buốt rất	Lá mảnh cộng 50g, Râu mèo 30g, Vọng cách 30g	Thanh nhiệt, lợi thủy thông lâm	Lâm chứng thể thấp nhiệt
5	Tiểu buốt rất	Lá mã đề 30g, Cỏ màn trâu 20g, Lá cối xay 20g, Rễ cỏ tranh 20g	Thanh nhiệt trừ thấp	Lâm chứng thể thấp nhiệt
6	Tiểu khó	Quả dứa dại 16g, Mã đề 12g, Rễ cỏ tranh 12g, Râu ngô 12g	Thanh nhiệt lương huyết, lợi thủy thông lâm	Long bế thể thấp nhiệt hạ tiêu
7	Tiểu ra máu	Lá giang tươi 30g, Cỏ mực 30g, Mã đề tươi 12g	Thanh nhiệt lợi niệu, lương huyết chỉ huyết	Niệu huyết thể thấp nhiệt
8	Tiểu buốt rất	Thân rễ mía dò 20g	Thanh nhiệt lợi thủy, giải độc	Lâm chứng thể thấp nhiệt

Nhận xét: Bài thuốc nam chủ trị nhóm bệnh tiết niệu được phân bố theo 3 bệnh chứng: Niệu huyết 2 bài; Long bế 1 bài; Lâm chứng 5 bài. Trong đó, 100% bài thuốc điều trị bệnh chứng thể nhiệt. Dạng bào chế của bài thuốc nhóm này bao gồm cả dùng tươi và sắc uống.

IV. BÀN LUẬN

Theo lý luận y học cổ truyền, mỗi chứng bệnh đều có căn nguyên, có cơ chế phát sinh và biểu hiện thành chứng trạng. Căn nguyên thông qua cơ chế gây bệnh làm rối loạn công năng hoạt động của vận hóa tạng chứa của ngũ tạng công năng truyền tống của lục phủ hoặc rối loạn đường tuần hành của khí huyết vận hành trong kinh lạc,... mà sinh ra chứng trạng. Phương thuốc điều trị được coi là trị được bệnh chứng nếu can thiệp được vào cơ chế bệnh sinh để điều chỉnh hoạt động của tạng phủ, sơ thông được tuần hành khí huyết. Như vậy, luôn có sự thống nhất, logic khoa học giữa biểu hiện chứng trạng trên người bệnh với chẩn đoán, pháp điều trị và phương thuốc để người bệnh trị liệu. Sự thống nhất đó được khái quát bằng cụm từ "lý-pháp-phương-được". Những ví dụ dưới đây mô tả một số chứng bệnh thường gặp trong nghiên cứu.

Bệnh lý cơ xương khớp được quy vào chứng tý theo YHCT, bao gồm 3 thể bệnh: thể phong hàn thấp/phong nhiệt thấp; thể can thận hư; thể can thận hư kiêm phong hàn/nhiệt thấp.

Chứng tý thể thực chứng xảy ra khi tà khí xâm phạm cơ thể làm kinh mạch tắc trở, khí huyết không thông, bất thông tắc thống, gây đau nhức. Pháp điều trị: khu phong, tán hàn (thanh nhiệt), trừ thấp, thông kinh lạc [3]. Nghiên cứu của chúng tôi, "Trừ phong thấp" là bài thuốc phù hợp với pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc cấu thành bởi 4 vị: Rễ lá lốt vị cay nồng,

chứa tinh dầu tác dụng khu phong, tính ấm tác dụng tán hàn; Rễ cỏ may và Rễ trâu không đều quy vấp thận, bàng quang tác dụng lợi thủy, giúp trừ thấp qua đường tiểu; Rễ cỏ xước tắm rượu tăng tính ấm, cùng với rễ lá lốt hoạt huyết, thông kinh lạc. Phối ngũ 4 vị thuốc đưa đến công năng vừa khu phong tán hàn (Rễ lá lốt), vừa trừ thấp (Rễ cỏ may, Rễ trâu không), vừa thông kinh lạc (Rễ cỏ xước, Rễ lá lốt) [4], [5]. Điều trị chứng tý thể thực chứng, bài cổ phương thường dùng là "Can khương thương truật thang", trong đó: Quế chi trừ phong, Can khương tính ấm tăng tác dụng trừ hàn chỉ thống; Thương truật, Phục linh, Ý dĩ tác dụng trừ thấp qua đường tiểu, Xuyên khung cay ấm hoạt huyết, thông kinh lạc. Từ phân tích trên, phải chăng vai trò của vị Rễ lá lốt trong bài thuốc nghiên cứu "Trừ phong thấp" tương ứng với tác dụng cộng gộp của 2 vị thuốc Can khương và Quế chi trong phương "Can khương thương truật thang", đều đưa đến tác dụng khu phong tán hàn?

Chứng tý thể can thận hư kiêm phong hàn thấp là chứng tý lâu ngày hao thương khí huyết, tổn thương đến tạng phủ, nhân lúc chính khí hư, vệ khí bất cố dễ cảm nhiễm ngoại tà. Pháp điều trị là bổ can thận dưỡng cân cốt, trừ phong thấp thông kinh lạc [3]. Nghiên cứu của chúng tôi, "Lưng gối nhức mỏi" là bài thuốc điển hình cho pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc gồm 4 vị: Ngũ gia bì, Thiên niên kiện cay thơm tính ôn, trừ phong thấp thông kinh lạc; Hạt tơ hồng ngọt ấm, cùng Rễ cỏ xước đều quy can thận, tác dụng bổ can thận, dưỡng cân cốt [4], [5]. Phối ngũ 4 vị thuốc tác dụng vừa bổ can thận hư (Hạt tơ hồng, Rễ cỏ xước) vừa trừ phong hàn thấp (Ngũ gia bì, Thiên niên kiện). Điều trị chứng tý thể bệnh hư thực thác tạp thường dùng phương "Độc hoạt kí

sinh thang". Trong phương: Độc hoạt, Phòng phong, Tần giao, Tế tân kết hợp để tăng sức mạnh khu phong trừ thấp; Tang kí sinh, Ngưu tất, Đỗ trọng bổ can thận, dưỡng cân cốt. Phân tích trên cho thấy: phải chăng vai trò của Thiên niên kiện và Ngũ gia bì trong bài thuốc nam "Lưng gối nhức mỏi" có phần tương xứng với vai trò của nhóm vị thuốc Độc hoạt, Phòng phong, Tần giao, Tế tân trong phương "Độc hoạt kí sinh thang" đều đưa đến tác dụng khu phong tán hàn trừ thấp; tác dụng của Hạt tơ hồng và Rễ cỏ xước trong "Trừ phong thấp" có phần tương xứng với tác dụng của Tang kí sinh, Ngưu tất, Đỗ trọng trong "Độc hoạt kí sinh thang", đều bổ can thận hu?

Bệnh lý tiết niệu trong nghiên cứu tập trung điều trị bệnh chứng thấp nhiệt hạ tiêu, nhiệt tà thiêu đốt tân dịch, nung nấu ở hạ tiêu gây đái buốt đái rất (chứng nhiệt lâm), nhiệt làm tổn thương lạc mạch bức huyết vong hành gây đái máu (chứng niệu huyết).

Chứng nhiệt lâm có nguồn gốc từ thấp nhiệt xâm phạm, nung nấu ở hạ tiêu khiến cảm giác nóng rát, buốt rất khi đi tiểu. Pháp điều trị: thanh nhiệt giải độc, lợi thủy tiêu thũng [3]. Nghiên cứu của chúng tôi, "Tiểu buốt rất" là bài thuốc điển hình cho pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc bao gồm 3 vị thuốc: Lá vọng cách vị đắng tính lương, thanh nhiệt giải độc; Lá mảnh cộng và Cây râu mèo tính lương, vị đạm ngọt tăng tác dụng thẩm thấp lợi niệu, đưa nhiệt tà ra ngoài theo đường tiểu [5]. Phối ngũ đưa đến công năng vừa thanh nhiệt giải độc (Lá vọng cách), vừa lợi thủy tiêu thũng (Lá mảnh cộng, Cây râu mèo). Điều trị lâm chứng thể nhiệt, "Bát chính tán" là bài thuốc thường được sử dụng, trong đó: Chi tử, Đại hoàng thanh nhiệt giải độc; Cù mạch, Mộc thông, Biển súc, Xa tiền tử, Hoạt thạch, Đẳng tâm thảo phối hợp tác dụng lợi thủy tiêu thũng. Từ phân tích trên, phải chăng tác dụng của Lá vọng cách trong bài thuốc "Tiểu buốt rất" tương xứng với tác dụng thanh nhiệt giải độc của Chi tử và Đại hoàng trong phương "Bát chính tán"?

Chứng niệu huyết có nguồn gốc từ nhiệt tà thiêu đốt tân dịch, tổn thương lạc mạch, bức huyết vong hành nên có máu trong nước tiểu. Pháp điều trị: lợi thủy trừ thấp thanh nhiệt chỉ huyết [3]. Nghiên cứu của chúng tôi, "Chữa đái máu" là bài thuốc phù hợp với pháp điều trị nêu trên. Bài thuốc cấu thành bởi 3 vị thuốc: Lá cối xay và Thân rễ dứa dại tính hàn lương (tác dụng thanh nhiệt), đều có vị đạm (tác dụng lợi thủy thẩm thấp), giúp đưa nhiệt ra ngoài theo đường

tiểu; Phèn đen vị chất, tính thu liễm, sao xém đen có tác dụng chỉ huyết, điều trị nhiệt tổn thương lạc mạch, gây bức huyết vong hành [5]. Khi phối ngũ đưa đến công năng lợi thủy trừ thấp, thanh nhiệt hạ tiêu (Lá cối xay, Thân rễ dứa dại), chỉ huyết (Phèn đen sao xém đen). Điều trị niệu huyết thể thấp nhiệt thường sử dụng phương "Tiểu kế ẩm tử", bao gồm 7 vị thuốc: Sinh địa, Chi tử phối cùng Hoạt thạch, Mộc thông, Đạm trúc điệp tăng tác dụng thanh nhiệt lợi thủy trừ thấp; Bồ hoàng, Ngẫu tiết tác dụng chỉ huyết; Đương quy dưỡng huyết, Cam thảo điều hòa vị thuốc. Từ phân tích trên, phải chăng vai trò của vị thuốc Phèn đen (sao xém đen) trong bài thuốc nghiên cứu "Chữa đái máu" tương ứng với tác dụng của 2 vị thuốc Bồ hoàng và Ngẫu tiết?

V. KẾT LUẬN

Nghiên cứu xác định được công năng chủ trị của 54 bài thuốc nam, tập trung 4 nhóm bệnh:

- Nhóm cơ xương khớp: 8 bài thuốc; trong đó 50% chủ trị thể can thận hư kiêm phong hàn thấp (bài thuốc điển hình "Lưng gối nhức mỏi": Hạt tơ hồng, Cỏ xước, Ngũ gia bì, Thiên niên kiện), 37,5% chủ trị thể phong hàn thấp tý (bài thuốc điển hình "Trừ phong thấp": Rễ cỏ xước, Rễ cỏ may, Rễ trâu không, Rễ lá lốt),...

- Nhóm tiết niệu: 8 bài thuốc, trong đó 62,5% chủ trị lâm chứng (bài thuốc điển hình "Tiểu buốt rất": Lá mảnh cộng, Cây râu mèo, Lá vọng cách), 25% chủ trị chứng niệu huyết (bài thuốc điển hình "Chữa đái máu": Thân rễ dứa dại, Lá cối xay, Lá phèn đen),...

- Nhóm tiêu hóa: 8 bài thuốc, trong đó 62,5% chủ trị chứng tiết tả (bài thuốc điển hình "Thuốc tiêu chảy": Búp ổi, Vỏ rụt, Củ riềng, Sa nhân tím);...

- Nhóm hô hấp: 6 bài thuốc, trong đó 33,33% chủ trị chứng khí suyễn (bài thuốc điển hình "Chữa hen": Dây tơ hồng, Lá táo chua),...

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Đức Đoàn, Nam y nghiệm phương, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội. 2018.
2. Tuệ Tĩnh, Tuệ Tĩnh toàn tập, Nhà xuất bản Y học, 2007.
3. Bộ môn Nội, Học viện Y- Dược học cổ truyền Việt Nam, Bài giảng bệnh học nội khoa, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2015.
4. Bộ Y tế, Dược điển Việt Nam V, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2018.
5. Nguyễn Việt Thân, Cây thuốc Việt Nam và những bài thuốc thường dùng, Tập 1, Nhà xuất bản Y học, Hà Nội, 2020.